

Bản án số: 57/2024/HSST  
Ngày 22 tháng 8 năm 2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN**  
**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Đức.  
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Đình Động;  
Ông Nguyễn Thanh Bình.  
**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thu Lam - Thư ký Tòa án.  
**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Thi tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Thi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2024 đối với Bị cáo:

Họ và tên: Vũ Văn C, sinh năm 1987; Giới tính: Nam;  
Nơi sinh và nơi cư trú: thôn B, xã Q, huyện A, tỉnh H.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: không; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Vũ Văn L (Đã chết); Họ tên mẹ: Phạm Thị N. Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị V; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo Vũ Văn C bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh từ 28/7/2024. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt)

- Bị hại: Ông Vũ Văn T, sinh năm 1959; Trú tại: Phố Phạm Ngũ L, thị trấn A, huyện A, tỉnh H. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1989; Trú tại: thôn B, xã Q, huyện A, tỉnh H. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 06/4/2024, Vũ Văn C sinh năm 1987 ở thôn Bình Cầu, xã Quảng Lăng, huyện An Thi đi xe mô tô biển số 89B2-182.89 từ nhà mang theo quạt tích điện của gia đình bị hư hỏng đến quán của ông Vũ Văn T sinh năm 1959 ở phố Phạm Ngũ Lão, thị trấn An Thi, huyện An Thi để sửa. Trong khi ngồi ở bàn uống

nước chờ ông T sửa quạt, C nhìn thấy 01 chiếc ví da màu nâu, kích thước (0,1 x 0,08)m, chất liệu da trên nền quán. Lợi dụng lúc ông T đang sửa quạt không để ý, C đến gần nhặt chiếc ví da rồi đút vào trong túi quần phía trước bên phải rồi quay lại chỗ ngồi. Lúc sau, C đi ra cất chiếc ví da vào cốp xe mô tô biển số 89B2-182.89 rồi tiếp tục quay lại ngồi bàn uống nước. Sau khi ông T thay pin cho quạt tích điện xong nhưng quạt vẫn không hoạt động được nên hẹn với C đến chiều lấy. Trên đường đi về, C dừng lại mở cốp xe lấy chiếc ví da vừa trộm cắp được kiểm tra thấy bên trong có số tiền 800.000 đồng cùng 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe và 01 chiếc thẻ ATM (mặt sau thẻ ATM có ghi dãy số 418168) của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đều mang tên Vũ Văn T. C nghĩ dãy số 418168 là mật khẩu của thẻ ATM nên đi đến rút ATM của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Ân Thi ở phố Nguyễn Trung Ngạn, thị trấn Ân Thi cho thẻ vào máy ATM và nhập mật khẩu là 418168 thì truy cập được vào tài khoản thẻ của ông T. C đã thao tác rút tiền từ tài khoản thẻ này lần thứ nhất được 1.000.000 đồng, lần thứ hai được 2.000.000 đồng, lần thứ 3 được 2.700.000 đồng. Tổng số tiền C đã rút từ thẻ ATM của ông T là 5.700.000 đồng. Sau đó, C đã ăn tiêu hết 900.000 đồng, số tiền còn lại C cất vào chiếc ví da cùng các giấy tờ của ông T rồi mang về nhà cất giấu trong tủ đựng quần áo của gia đình.

Ông T sau khi sửa quạt xong thì không thấy chiếc ví da của mình đâu, đã tìm kiếm trong nhà nhưng cũng không thấy nên đã mở camera an ninh của gia đình kiểm tra thì phát hiện thấy bị mất trộm tài sản nên đã trình báo sự việc. Công an thị trấn Ân Thi đã tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, quản lý 01 USB vỏ kim loại trên thân có ghi chữ CUSIGLE-CU95/32GB lưu trữ 01 video được trích xuất từ camera an ninh của gia đình ông T ghi lại sự việc bị trộm cắp tài sản, được niêm phong trong bì thư ghi ký hiệu (I).

Cùng ngày, Công an thị trấn Ân Thi tiến hành xác minh, rà soát xác định Vũ Văn C là người đã trộm cắp tài sản của ông T. C đã tự nguyện giao nộp chiếc ví da đã trộm cắp bên trong có 01 thẻ ATM của ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số 9704050960201486 mang tên VU VAN TUYEN, phía sau thẻ có ghi dãy số 418168; 01 căn cước công dân số 033059003682; Giấy phép lái xe số 330065000030 đều mang tên Vũ Văn T cùng số tiền 5.600.000 đồng cùng chiếc xe mô tô biển số 89B2-182.89. Và sau đó C đã trả lại cho ông T nhận đủ số tiền 900.000 đồng mà C đã tiêu xài. Ngày 12/4/2024, Công an thị trấn Ân Thi đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 14/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ân Thi, kết luận: 01 (Một) chiếc ví da màu nâu, kích thước (0,1 x 0,08)m, đã qua sử dụng đến nay có giá là 50.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 125/KL-KTHS (KTS) ngày 13/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt

ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 01 (Một) file video gửi giám định. Mô tả hành động của người trong video.

Quá trình điều tra, Vũ Văn C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Về vật chứng của vụ án:

- Ngày 27/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi trao trả 01 chiếc ví da màu nâu, kích thước (0,1x0,08)m, đã qua sử dụng; 01 thẻ ATM của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số 9704050960201486 mang tên Vũ Văn T, mặt sau thẻ có ghi dãy số 418168; 01 căn cước công dân số 033059003682; Giấy phép lái xe số 330065000030 đều mang tên Vũ Văn T và số tiền 5.600.000 đồng cho ông T đã nhận đủ.

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 89B2-182.89, quá trình điều tra xác định là tài sản làm phương tiện đi lại của bị cáo C và vợ là bà Nguyễn Thị V (Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô tên Nguyễn Thị V). Ngày 06/4/2024, bà V không biết bị cáo đã sử dụng xe đi sửa quạt rồi trộm cắp tài sản. Qua tra cứu chiếc xe trên không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Hiện chiếc xe đang được quản lý tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi.

- Đối với 01 USB vỏ kim loại trên thân có ghi chữ CUSIGLE-CU95/32GB lưu trữ 01 video được trích xuất từ camera an ninh của gia đình ông T được lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Ông T đã nhận đủ tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì về việc bồi thường.

Cáo trạng số: 55/CT-VKSAT ngày 06/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi đã truy tố Bị cáo Vũ Văn C về “*Tội trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

#### ***Tại phiên tòa hôm nay:***

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do mình gây ra. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt, cải tạo tại địa phương.

**Bị hại là ông Vũ Văn T đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.**

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V và Bị cáo đề nghị giao chiếc xe mô tô có biển số 89B2-182.89 cho bà V nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên có quan điểm phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra và nhân thân bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Vũ Văn C về “*Tội trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; **điểm b khoản 3 Điều 106**, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố bị cáo: Vũ Văn C phạm "*Tội trộm cắp tài sản*".

- Xử phạt bị cáo: Vũ Văn C từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vũ Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Do Bị cáo không có tài sản giá trị và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

- Vật chứng: Trả lại cho cho vợ chồng bị cáo C 01 xe mô tô biển số 89B2-182.89.

Lưu hồ sơ vụ án: 01 USB vỏ kim loại trên thân có ghi chữ CUSIGLE-CU95/32GB lưu trữ 01 video được trích xuất từ camera an ninh của gia đình ông T.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của Bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho Bị cáo được giảm nhẹ hình phạt, cải tạo tại địa phương.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ân Thi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo và Bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của Bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án (thể hiện tại các Bút lục: 80, 81-87, 88-93, 94-104, 105-108, 22, 24). Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 06/4/2024, tại nhà ông Vũ Văn T sinh năm 1959 ở phố Phạm Ngũ Lão, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi; Vũ Văn C đã có hành vi lợi dụng sơ hở, trộm cắp của ông T 01 chiếc ví da màu nâu trị giá 50.000 đồng, bên trong có 800.000 đồng, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ ATM của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (trên thẻ có ghi mật khẩu truy cập)

đều mang tên Vũ Văn T. Sau đó, C dùng chiếc thẻ ATM vừa trộm cắp truy cập và rút được từ tài khoản thẻ của ông T số tiền 5.700.000 đồng. Tổng giá trị tài sản C đã trộm cắp là 6.550.000 đồng.

[3] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi đó là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, háms lợi để có tiền tiêu sài cá nhân, phục vụ nhu cầu bản thân nên đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi nêu trên của Bị cáo đã phạm “*Tội trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo theo tội danh và Điều luật viện dẫn trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Do đó, việc truy tố và đưa Bị cáo ra xét xử là cần thiết. Do vậy để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có ích cho gia đình và xã hội cần phải tuyên phạt bị cáo một hình phạt nhất định tương xứng với hành vi phạm tội mà Bị cáo gây ra.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo:

- + Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.
- + Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- + Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 900.000 đồng mà Bị cáo đã tiêu xài cho Bị hại. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho Bị cáo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho Bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội mà Bị cáo đã gây ra. Hội đồng xét xử nhận thấy Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nên đủ điều kiện áp dụng quy định Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù có điều kiện, ấn định thời gian thử thách và giao Bị cáo cho chính quyền

địa phương quản lý, giáo dục như đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục Bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Hình phạt bổ sung: Do Bị cáo không có tài sản giá trị và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Vũ Văn T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Vật chứng của vụ án:

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda AirBlade, màu sơn xanh đen, số khung RLHJF633NZ127220, số máy: JF94E04744983, biển số 89B2-182.89. Là tài sản chung của Bị cáo C và vợ là bà Nguyễn Thị V, do bà Nguyễn Thị V không biết Bị cáo đã sử dụng xe đi sửa quạt rồi trộm cắp tài sản, Bị cáo và bà V đề nghị giao chiếc xe mô tô có biển số 89B2-182.89 cho bà V nhận, nên trả lại xe cho bà V nhận là hợp lý.

Đối với 01 USB vỏ kim loại trên thân có ghi chữ CUSIGLE-CU95/32GB lưu trữ 01 video được trích xuất từ camera an ninh của gia đình ông T là tài liệu, vật chứng trong vụ án nên tiếp tục được quản lý tại hồ sơ vụ án.

[8] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ khoản 1 Điều 173**, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; **điểm b** khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về tội danh: Tuyên bố Bị cáo Vũ Văn C phạm "*Tội trộm cắp tài sản*".

- Về hình phạt: Xử phạt Bị cáo Vũ Văn C **09 (chín) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử **thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Bị cáo Vũ Văn C cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

- Về xử lý vật chứng: Trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda AirBlade, màu sơn xanh đen, số khung RLHJF633NZ127220, số máy: JF94E04744983, biển số 89B2-182.89 cho bà Nguyễn Thị V nhận.

(Đặc điểm theo Quyết định chuyển vật chứng số 52/QĐ-VKSAT ngày 06/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/8/2024 giữa Công an huyện và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi)

Lưu hồ sơ vụ án: 01 USB vỏ kim loại trên thân có ghi chữ CUSIGLE-CU95/32GB lưu trữ 01 video được trích xuất từ camera an ninh của gia đình ông T.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm hình sự.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV và THA – Tòa án tỉnh;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Ân Thi;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA huyện Ân Thi;
- Cq CSĐT-CA huyện Ân Thi;
- Cơ quan THAHS CA huyện Ân Thi;
- Chi cục THADS huyện Ân Thi;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đồng Dục**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Đình Độ**

**Nguyễn Thanh Bình**

**Nguyễn Đồng Dục**